

**CÔNG TY TNHH DV THƯƠNG MẠI VICKEN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DV THƯƠNG MẠI VICKEN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502533494

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 9, Nguyễn Tuân, Khu Phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0904559319

Fax:

Email: [tinhhueluong111@gmail.com](mailto:tinhhueluong111@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan) | 1622     |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                       | 3312     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                          | 4102     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống....)                                                                                                                                  | 4212     |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                         | 4221     |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                              | 4222     |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp                                                                                                             | 4299     |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                           | 4311     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng)                                                                                                                                                 | 4312     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                            | 4321     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                            | 4322     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                   | 4330     |
| 14. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động chống thấm, chống ẩm công trình xây dựng                                                                                                                              | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, lắp đặt giàn giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329        |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biể; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                             | 4663        |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị âm thanh; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng; Mua bán máy móc, thiết bị đo lường công nghiệp                                                                                                                                                                                       | 4659(Chính) |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LƯƠNG XUÂN BÌNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/11/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038093027845

Ngày cấp: 14/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Khai Đông, Xã Xuân Hòa, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 9, Nguyễn Tuân, Khu Phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯƠNG XUÂN TÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/11/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038093027845

Ngày cấp: 14/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Khải Đông, Xã Xuân Hòa, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 9, Nguyễn Tuân, Khu Phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu